|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN AN LÃO**TRƯỜNG THCS THÁI SƠN** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I****NĂM HỌC 2022-2023****Môn:Địa lý 9**Thời gian làm bài: 45 phút*Ma trận có 02 trang* |

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Mức độ****Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Tổng** |
| **Thấp** | **Cao** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| **Chủ đề 1: Địa lý kinh tế** |  - Biết được đặc điểm các ngành kinh tế nước ta. |  | - Hiểu đặc điểm một số ngành kinh tế nước ta. |  |  |  |  |  |
| *Số câu**Số điểm* | *2c**0,8đ* |  | *1c**0,4đ* |  |  |  |  |  | *3c**1,2đ* |
| **Chủ đề 2:****Các vùng kinh tế** | - Biết được vị trí, điều kiện TN, dân cư xã hội và sự phát triển KT của các vùng kinh tế. |  | -Hiểu được vị trí, điều kiện TN, dân cư xã hội và sự phát triển KT của các vùng kinh tế. | -Những thuận lợi để phát triển sản xuất lương thực thực phẩm ở Đồng bằng Sông Hồng |  | Vận dụng vẽ biểu đồ,nhận xét, so sánh sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người của vùng Bắc Trung Bộ với cả nước thời kỳ 1995-2002. | . | Vận dụng được kiến thức đã học để phát triển kinh tế địa phương |  |
| *Số câu**Số điểm* | *8c**3,2đ* |  | *4c**1,6đ* | *1c**1,0đ* |  | *0,5c**2,0đ* |  | *0,5c**1,0đ* | *14c**8,8đ* |
| **Tổng số câu****Tổng điểm****Tỷ lệ %** | **10****4,0đ****40%** | **6****3,0 đ****30%** | **1****3,0đ****30%** | **17****10đ****100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN AN LÃO**TRƯỜNG THCS THÁI SƠN** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I****NĂM HỌC 2021-2022****Môn:Địa lý 9**Thời gian làm bài: 90 phút |

**ĐỀ BÀI**

**Phần I. Trắc nghiệm (6.0 điểm). Khoanh vào chữ cái trước ý đúng nhất**

**Câu 1: Loại cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta là:**

A. Cây lúa. B.Cây hoa màu. C. Cây công nghiệp. D.Cây ăn quả và rau đậu.

**Câu 2: Các nhân tố có vai trò quyết định đến sự phát triển và phân bố công nghiệp của nước ta là:**

A. Dân cư và lao động. B. Thị trường, chính sách phát triển công nghiệp.

C. Các nhân tố kinh tế - xã hội. D. Cơ sở vật chất kĩ thuật trong công nghiệp và cơ sở hạ tầng.

**Câu 3: Trong các vùng kinh tế sau đây, vùng kinh tế nào không giáp biển?**

A. vùng Bắc Trung Bộ. B. vùng Trung du Miền núi phía Bắc.

C. vùng Đồng bằng sông Hồng. D. vùng Tây Nguyên.

**Câu 4: Về mùa đông ở Trung du miền núi Bắc Bộ khu vực Tây Bắc ít lạnh hơn Đông Bắc là do:**

A. Tây Bắc nhiều rừng hơn. B. Tây Bắc xa khối không khí lạnh hơn.

C. Dãy Hoàng Liên Sơn chắn gió D. Tây Bắc nằm xa biển.

**Câu 5: Việc nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ phải dựa trên cơ sở chủ yếu nào?**

A. Dân cư đông và nguồn lao động dồi dào.

B. Thu hút đầu tư nước ngoài.

C. Trình độ công nghệ cao, lao động lành nghề, cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.

D. Chính sách phát triển ngành dịch vụ của nhà nước.

**Câu 6: Các nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình nằm trên dòng sông :**

A. sông Đà B. sông Lô C. sông Gâm D. sông Chảy

**Câu 7: Thế mạnh về tự nhiên nào tạo cho Đồng bằng Sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là:**

A. khí hậu có một mùa đông lạnh . B. đất phù sa màu mỡ .

C. nguồn nước mặt phong phú. D. địa hình bằng phẳng.

**Câu 8 : Trong lĩnh vực trồng lúa, Đồng bằng Sông Hồng hơn đồng bằng Sông Cửu Long ở :**

A. Diện tích trồng lúa . B. Sản lượng lương thực .

C. Năng suất lúa. D. Lương thực bình quân đầu người.

**Câu 9 : Một trong những khó khăn lớn nhất về tự nhiên ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của nhân dân vùng Bắc Trung Bộ là :**

A. Cơ sở hạ tầng thấp kém. B. Thiên tai thường xuyên xảy ra.

C. Mật độ dân cư thấp. D Tài nguyên khoáng sản hạn chế.

**Câu 10 : Các di sản văn hóa của thế giới trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là.**

A. . Ca trù, quan họ. B. Cố đô Huế, nhã nhạc cung đình Huế.

C. Vịnh Hạ Long, Phong Nha- Kẻ Bàng. D. Phố cổ Hội An, di tích Mĩ Sơn.

**Câu 11:** Tài nguyên quý giá nhất của vùng Đồng bằng sông Hồng là

A. Sinh vật B. Khí hậu C. Sông ngòi D. Đất phù sa

**Câu 12. Hoạt động kinh tế ở khu vực** **đồng bằng ven biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ chủ yếu là :**

A. trồng cây công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, giao thông.

B.chăn nuôi gia súc lớn, trồng cây công nghiệp hằng năm và lâu năm

C. công nghiệp, thương mại, thủy sản

D. nuôi bò, nghề rừng, trồng cà phê.

**Câu 13. Vùng có tỉ lệ gia tăng dân số thấp nhất nước ta là vùng:**

A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Tây Nguyên. D. Đông Nam Bộ.

**Câu 14: Hoạt động kinh tế chủ yếu của loại hình quần cư nông thôn là làm:**

 A. nông – lâm - ngư nghiệp B. công nghiệp. C. dịch vụ. D. lâm nghiệp.

**Câu 15: Hoạt động kinh tế chủ yếu của loại hình quần cư thành thị là làm:**

A. công nghiệp. B. dịch vụ . C. nông – lâm - ngư nghiệp. D. công nghiệp và dịch vụ.

**Phần II . Tự luận** (4,0 điểm)

**Câu 1 : (1,0 điểm)** Phân tích những thuận lợi để phát triển sản xuất lương thực thực phẩm ở Đồng bằng Sông Hồng?

**Câu 2: (3,0 điểm)**

a. Cho bảng số liệu GDP theo ngành của nước ta năm 1991 và 2002(%)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | 1991 | 2002 |
| Nông-lâm-ngư nghiệp | 40,5 | 23 |
| Công nghiệp-xây dựng | 23,8 | 38,5 |
| Dịch vụ | 35,7 | 38.5 |

? Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu kinh tế nước ta năm 1991 và năm 2002.

? Nhận xét sự thay đổi cơ cấu GDP theo ngành của nước ta và giải thích tại sao lại có sự thay đổi như vậy?

b. Việc sản xuất cây vụ đông ở Hải Phòng có ý nghĩa gì đối với phát triển kinh tế của địa phương?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN AN LÃO**TRƯỜNG THCS THÁI SƠN** | **HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HKI****NĂM HỌC 2022-2023****Môn: Địa lý 9** |

 |  |

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM** ( 6 điểm)

*Mỗi đáp án đúng được 0,4đ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu**  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
| **Đáp án** | A | B | D | C | D | A | A | C | B | D | C | A | **B** | **A** | **D** |

**PHẦN II: TỰ LUẬN** ( 4điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1*****1 điểm*** | Những thuận lợi để phát triển l/thực - th/phẩm ở ĐB sông Hồng: + Diện tích đất đai được sử dụng vào hoạt động nông nghiệp lớn; Đất phù sa màu mỡ do sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp+ Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cây lúa; Nguồn nước phong phú đảm bảo việc tưới tiêu.+ Dân cư đông đúc nguồn lao động đồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn, người dân có nhiều kinh nghiệm truyền thống trong trồng lúa nước với trình độ thâm canh cao.+ Cơ sở hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất cả nước.Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm phát triển. |  (0,25 đ) (0,25 đ)(0,25 đ)(0,25 đ) |
| **Câu 2*****3 điểm*** | a, - Vẽ đúng biểu đồ tròn, có chú thích, có tên biểu đồ- Nhận xét: Cơ cấu GDP theo ngành của n­ước ta đã có sự thay đổi theo hướng tích cực, giảm tỉ trọng ngành nông- lâm- ngư nghiệp, tăng tỉ trọng ngành công nghiệp-xây dựng và dịch vụ …( dẫn chứng). - Giải thích: Sự thay đổi cơ cấu GDP là do nước ta đang từng bước thực hiện thành công quá trình CNH-HĐH đất nước, chuyển từ nước nông nghiệp sang nước công nghiệp.b, Việc sản xuất cây vụ đông ở Hải Phòng có ý nghĩa là: - Tạo ra nguồn thực phẩm phục vụ đời sống sinh hoạt của nhân dân- Tạo ra nguồn hàng để bán và xuất khẩu, đem lại thu nhập cho con người...- Phá thế độc canh cây lúa, làm thúc đẩy thâm canh tăng vụ…. | 1.00.50.50.250.50.25 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xác nhận của BGH** | **Xác nhận của tổ chuyên môn*****Dư Thị Khiến*** | **GV ra đề*****Hoàng Thị Mai Thương*** |